

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Bản án số: 100/2024/HS-PT
Ngày 28 - 9 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm.
Ông Lê Quang Toại.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 119/2024/TLPT-HS ngày 05/9/2024 đối với bị cáo Trần Anh T do có kháng cáo của người bị hại Lê Văn T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 114/2024/HS-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: Trần Anh T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 22 tháng 02 năm 1991, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Q; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần X và bà Võ Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 10/6/2014, Trần Anh T bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành án xong ngày 02/11/2016 và đã xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/02/2024 đến nay; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại có kháng cáo: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có tiền tiêu xài, bị cáo Trần Anh T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 12/12/2023, Trần Anh T điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 76B1-571.03 đi từ nhà tại xã T đến xã T, thành phố Q. Khi đi đến nhà của ông Lê Văn T1, sinh năm 1991; trú tại: Thôn L, xã T, thành phố Q thấy nhà khóa cửa, không có người ở nhà nên T nảy sinh ý định vào nhà trộm cắp tài sản. T để xe mô tô bên ngoài và đi vào bên trong, T dùng 01 (một) cái búa sắt đập bể một góc kính cửa bên hông nhà, thò tay mở chốt khóa trong, sau đó vào trong nhà và lục tìm tài sản để trộm cắp. Tại phòng ngủ nhà ông T1 thấy cửa phòng đang khóa ngoài nên dùng đầu nạy đinh của búa phá khóa và đi vào trong thì thấy có một tủ đồ bằng nhựa, T mở cửa tủ lục tìm tài sản và thấy ở phía dưới thấy có 01 (một) hũ heo bằng đất, màu xanh được bỏ trong một túi nilon màu đen nên lấy hũ heo đất đập ra và lấy hết số tiền trong hũ heo bỏ vào túi áo rồi tẩu thoát. Trên đường đi, T lấy tiền ra kiểm tra thì đếm được số tiền 14.510.000 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm mười nghìn đồng). Số tiền trộm cắp được T sử dụng tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 27/02/2024, Trần Anh T điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 76B1-571.03, đến xã T, thành phố Q để bán chim. Đến khoảng 14 giờ 00 phút, cùng ngày, khi đi trên đường, T đi ngang qua nhà của bà Lê Thị C, sinh năm 1970; trú tại: Thôn D, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, thấy nhà đóng cửa, không có người ở nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T dựng xe mô tô phía trước nhà bên cạnh nhà bà C. T mở cốp xe lấy 01 (một) cái búa rồi trèo qua hàng rào đột nhập vào trong nhà. T đi đến cửa nhà ngang đang khóa, T dùng búa đập nhiều cái vào ổ khóa nhưng không được nên dùng đầu nạy đinh của búa phá khóa và mở cửa đi vào trong nhà, T đóng cửa lại và chốt khóa trong. T đi vào phòng ngủ (gần khu vực bếp) lục tìm tài sản để lấy trộm. T dùng tay giật bung cửa tủ gỗ và lục tìm trong quần áo thì phát hiện số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và 01 (một) hộp sắt, bên trong có đựng 01 (một) sợi dây chuyền vàng tây, hình trái tim nối liền nhau, có mặt dây chuyền hình bông hoa, xung quanh có đính nhiều hạt màu trắng, ở giữa có đính một viên đá màu đỏ và 01 (một) chiếc nhẫn vàng tây xung quanh có đính các hạt màu trắng và hạt màu xanh ở giữa. T lấy tiền và vàng bỏ vào trong túi áo rồi tiếp tục qua phòng ngủ kế bên (gần cầu thang) để tìm tài sản thì thấy tủ quần áo trong phòng ngủ có cắm sẵn chìa khóa nên mở cửa tủ ra và lục tìm dưới quần áo thấy có số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), T lấy tiền bỏ vào túi áo và ra ngoài điều khiển xe tẩu thoát về nhà của mình tại xã T, thành phố Q. Đến chiều ngày 28/02/2024, T mang 01 (một) sợi dây chuyền vàng

tây đến bán cho bà Hồng Thị Thanh H, sinh năm 1967; trú tại: Tổ C, phường Q, thành phố Q là chủ tiệm V; địa chỉ: Số H, đường H, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, được số tiền 11.600.000đồng (Mười một triệu, sáu trăm nghìn đồng), T đã tiêu xài cá nhân và trả nợ, còn lại 1.455.000 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 26a/KL-HĐĐGTXSTTHS, ngày 08/4/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q, kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, gồm nhiều mắt xích hình trái tim nối liền nhau, có kim loại vàng (Au); hàm lượng kim loại vàng là 61,0%; khối lượng mẫu là 10,70gam. Mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, hình bông hoa, trên có đính các hạt chất màu trắng và hạt chất màu đỏ ở chính giữa có kim loại vàng (Au); hàm lượng kim loại vàng là 61,0%; tổng khối lượng mẫu là 2,92gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng và hạt chất màu đỏ) tại thời điểm ngày 27/02/2024, có giá trị 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) và 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng trên có đính các hạt chất màu trắng và hạt chất màu xanh ở chính giữa có kim loại vàng (Au); hàm lượng kim loại vàng là 61,0%; tổng khối lượng mẫu là 4,61gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng và hạt chất màu xanh) tại thời điểm ngày 27/02/2024, có giá trị 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng: 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại ông Lê Văn T1 yêu cầu bị cáo Trần Anh T bồi thường số tiền trộm cắp là 90.000.000đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2024/HS-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về điều luật và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s, khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T: 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/02/2024).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 589; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường số tiền trộm cắp của bị hại Lê Văn T1. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị T2 với số tiền 14.510.000đồng (Mười bốn triệu, năm trăm mười nghìn đồng).

3.2. Không chấp nhận đối với số tiền 75.490.000đồng mà bị hại Lê Văn T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trộm cắp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lỗi suất, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/8/2024, người bị hại ông Lê Văn T1 kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Anh T và buộc bị cáo Trần Anh T phải trả tổng số tiền đã trộm của ông là 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của ông Lê Văn T1, thì thấy:

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, cũng như xem xét về nhân thân, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Trần Anh T 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ và phù hợp. Nên không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T1 về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Anh T.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Văn T1 yêu cầu buộc bị cáo Trần Anh T phải trả cho ông số tiền 90.000.000 đồng, nhưng không cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của ông T1. Đề nghị giữ nguyên phần trách nhiệm dân sự cấp sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của bị cáo Trần Anh T: Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 12/12/2023 bị cáo Trần Anh T đã lén lút vào nhà anh Lê Văn T1 lấy hũ heo đất đập ra và lấy hết số tiền trong hũ heo bỏ vào túi áo rồi tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, T lấy tiền ra đếm được 14.510.000đồng (Mười bốn triệu, năm trăm mười nghìn đồng). Sau đó, khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/02/2024, bị cáo lén lút vào nhà bà Lê Thị C lấy 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và 01 (một) hộp sắt, bên trong có đựng 01 (một) sợi dây chuyền vàng tây, hình trái tim nối liền nhau, có mặt dây chuyền hình bông hoa, xung quanh có đính nhiều hạt bằng màu trắng, ở giữa có đính một viên đá màu đỏ và 01 (một) chiếc nhẫn vàng tây xung quanh có đính các hạt màu trắng và hạt màu xanh. Tổng giá trị tài sản bị cáo Trần Anh T trộm cắp từ ngày 12/12/2023 đến ngày 27/02/2024 trên địa bàn thành phố Q là: 33.010.000 đồng (Ba mươi ba triệu, không trăm mười nghìn đồng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Anh

T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn T1 về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Anh T vì cho rằng bị cáo Trần Anh T trộm cắp của ông T1 số tiền 90.000.000 đồng chứ không phải 14.510.000 đồng như bị cáo T khai và yêu cầu bị cáo Trần Anh T trả lại cho ông số tiền 90.000.000 đồng, thì thấy: Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn T1 khai nhận bị cáo T đã trộm cắp của ông số tiền 90.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đựng trong heo đất là 90.000.000 đồng. Đồng thời, quá trình điều tra, C1 điều tra Công an thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành đối chất giữa bị cáo Trần Anh T và ông Lê Văn T1 về số lượng tài sản là số tiền chứa trong hũ heo bằng đất, màu xanh mà T trộm cắp nhưng T chỉ thừa nhận là trộm cắp 14.510.000 đồng, ngoài lời khai không có chứng cứ nào khác nên không có đủ cơ sở kết luận T trộm cắp 90.000.000 đồng như ông Lê Văn T1 đã khai. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các tài liệu được cơ quan điều tra thu thập tại hồ sơ vụ án, xem xét về nhân thân, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo Trần Anh T 01 năm 06 tháng tù là phù hợp, không nặng; đồng thời, buộc bị cáo Trần Anh T phải bồi thường cho ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị T2 số tiền 14.510.000 đồng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm ông Lê Văn T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh kháng cáo của ông là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T1, giữ nguyên mức hình phạt và phần trách nhiệm dân sự bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Trần Anh T.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo về phần dân sự không được chấp nhận nên ông Lê Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm e khoản 2 Điều 23; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 114/2024/HS-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s, khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/02/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 589; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Anh T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị T2 số tiền 14.510.000đồng (Mười bốn triệu, năm trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Ông Lê Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND TP. Quảng Ngãi;
- Công an TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THA dân sự TP. Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Giang